

Số: 10116 /UBND-TCKH

Nha Trang, ngày 01 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO
Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Nha Trang.

Căn cứ Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 31/01/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023 của tỉnh Khánh Hòa.

Ngày 02/3/2023, UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 333/QĐ-UBND về Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023 của thành phố Nha Trang.

Qua rà soát tình hình thực hiện năm 2023, UBND thành phố báo cáo như sau:

I. Về công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:

1. UBND thành phố đã thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, Quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm chống lãng phí đến cơ quan, tổ chức đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của thành phố.

Tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 theo Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 01/02/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa.

Dự toán năm 2023, UBND thành phố đã thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên của kinh phí tự chủ và không tự chủ để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2023.

2. Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023. Trong đó tập trung chỉ đạo, thực hiện các nhiệm vụ sau: tăng cường công tác quản lý chi ngân sách nhà nước, đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm và hiệu quả; tiếp tục tổ chức thực hiện đồng bộ các biện pháp, chỉ đạo phối hợp giữa các đơn vị từ thành phố đến các xã phường để hoàn thành nhiệm vụ thu ngân sách tạo nguồn lực tài chính đảm bảo cho nhiệm vụ chi ngân sách.

3. Thực hiện tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong các buổi họp giao ban định kỳ của thành phố.

4. Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, qua đó đã lồng ghép kiểm tra tình hình thực hiện chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ở các đơn vị và xã, phường.

Trên tinh thần quán triệt Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Trung ương, tỉnh và chương trình của thành phố. UBND thành phố chỉ đạo các



đơn vị nâng cao vai trò trách nhiệm của các đồng chí lãnh đạo cơ quan trong việc xét duyệt, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, quản lý lao động và sử dụng tài sản cơ quan, thành phố đã đề ra các hình thức xử lý kỷ luật nếu trong cơ quan, đơn vị để xảy ra tình trạng lãng phí.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định trên mọi lĩnh vực.

II. Tình hình, kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong các lĩnh vực:

1. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ:

- Việc xây dựng, ban hành định mức, tiêu chuẩn, chế độ thu, chi ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền của các cơ quan trung ương và của HĐND tỉnh Khánh Hòa.

- Việc xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong quy chế chi tiêu nội bộ của các đơn vị: các đơn vị xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ trong phạm vi định mức, tiêu chuẩn, chế độ quy định được thông qua tổ chức công đoàn và đã được cơ quan tài chính thẩm định đồng thời gửi kho bạc để kiểm soát chi.

2. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố:

Tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương theo dự toán đầu năm 2023: 17.418 triệu đồng, trong đó: kinh phí thực hiện tự chủ 8.300 triệu đồng, kinh phí không thực hiện tự chủ 9.118 triệu đồng.

Trong số thu được để lại đơn vị chi, đơn vị phải dành 40% thực hiện cải cách tiền lương 6.323 triệu đồng, trong đó: đơn vị hành chính 6.130 triệu đồng, đơn vị sự nghiệp 193 triệu đồng.

UBND thành phố Nha Trang đã tập trung chỉ đạo các đơn vị thành phố, và các xã, phường triển khai tích cực, điều hành ngân sách theo dự toán giao đầu năm, bổ sung kịp thời cho ngân sách cấp dưới, đảm bảo đáp ứng đầy đủ, kịp thời các nhiệm vụ chi thường xuyên cho bộ máy quản lý, chi cho con người, các chế độ cho các đối tượng chính sách và đối tượng bảo trợ xã hội.

3. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong mua sắm; quản lý, sử dụng tài sản, thiết bị làm việc của cơ quan đúng nhu cầu, đúng tiêu chuẩn và có quản lý, kiểm kê rõ ràng, đảm bảo thực hiện theo đúng chế độ.

4. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản:

Triển khai thực hiện các giải pháp nhằm chấn chỉnh những sai phạm trong quản lý đầu tư xây dựng cơ bản bên cạnh việc chấp hành nghiêm các quy định về đầu tư XDCB. Các dự án của thành phố khi đủ điều kiện thực hiện đều được bố trí kế hoạch vốn kịp thời, các dự án triển khai đảm bảo quy trình, trình tự thủ tục; thực hiện việc tiết kiệm trong công tác lựa chọn nhà thầu theo đúng quy định đồng thời nâng cao chất lượng công trình, đảm bảo đúng tiến độ,

không để kéo dài thời gian thực hiện dự án, đẩy nhanh tiến độ giải ngân và quyết toán vốn đầu tư. Tổng kinh phí tiết kiệm được trong công tác lựa chọn nhà thầu là 20.518 triệu đồng.

5. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên:

Tăng cường quản lý sử dụng đất đai, tài nguyên thiên nhiên, và bảo vệ môi trường. Quản lý và sử dụng hiệu quả, hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên; ngăn chặn tình trạng khai thác tài nguyên tùy tiện, sử dụng kém hiệu quả, gây lãng phí, làm cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên và gây ô nhiễm môi trường.

III. Phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong thời gian đến:

Tiếp tục thực hiện tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong từng cơ quan, đơn vị và tại các địa phương.

Tăng cường công tác tổ chức THTK, CLP trên các lĩnh vực, trong đó tập trung vào công tác quản lý chi ngân sách; thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư; quản lý đất đai, quản lý trật tự xây dựng.

Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, qua đó lồng ghép kiểm tra tình hình thực hiện chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ở các đơn vị phòng ban và các đơn vị và xã, phường.

Trên tinh thần quán triệt Luật THTK, CLP của Trung ương, tỉnh và chương trình của thành phố. UBND thành phố chỉ đạo các đơn vị nâng cao vai trò trách nhiệm của lãnh đạo cơ quan trong việc xét duyệt, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, quản lý lao động và sử dụng tài sản cơ quan, thành phố đã đề ra các hình thức xử lý kỷ luật nếu trong cơ quan, đơn vị để xảy ra tình trạng lãng phí.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính gắn với nâng cao hiệu quả THTK, CLP.

Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra trong các lĩnh vực đã được quy định lại Luật và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Kiên quyết, kịp thời xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm; đồng thời, thực hiện công khai hành vi lãng phí, kết quả xử lý hành vi lãng phí theo quy định.

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình, kết quả công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND TP;
- Phòng TC-KH;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Sỹ Khánh

**KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ
NĂM 2023**

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm trước	Kế hoạch	Kết quả báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch (%)		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4	8=6/5	9
I	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ							
II	Lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí NSNN							
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN	triệu đồng	22.512	17.418	17.418	77	100	
1.1	TK chi TX để thực hiện cải cách tiền lương	triệu đồng	22.512	17.418	17.418	77	100	
1.4	TK 10% dự toán kinh phí không thực hiện tự chủ 7 tháng cuối năm và các khoản chi chưa thật sự cần thiết	triệu đồng						
2	Sử dụng và thành quyết toán NSNN	triệu đồng	19.551		27.800	142		
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính	triệu đồng	19.551		27.800	142		
	Tiết kiệm văn phòng phẩm	triệu đồng	4.645		6.932	149		
	Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	triệu đồng	1.550		2.480	160		
	Tiết kiệm sử dụng điện	triệu đồng	3.295		4.284	130		
	Tiết kiệm xăng, dầu	triệu đồng	667		971	146		
	Tiết kiệm nước sạch	triệu đồng	1.133		1.361	120		
	Tiết kiệm công tác phí	triệu đồng	2.712		3.791	140		
	Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	triệu đồng	2.075		3.115	150		

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm trước	Kế hoạch	Kết quả báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch (%)		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
	Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm	triệu đồng	1.974		2.566	130		
	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc	triệu đồng	1.500		2.300	153		
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							
	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại	triệu đồng						
	Kinh phí tiết kiệm được							
	Thẩm định, phê duyệt dự toán	triệu đồng						
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng						
	Thương thảo hợp đồng	triệu đồng						
	Các nội dung khác							
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng						Tiết kiệm so với dự toán, định mức, tiêu chuẩn hoặc mức khoán chi được duyệt
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng			18			
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng						
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ							
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị						
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị						
3.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng						
4	Các nội dung khác							

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm trước	Kế hoạch	Kết quả báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch (%)		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước							
1	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)		20		19	105		
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc	19		20	105		
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc	2					
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc	1		1			
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng						
2	Tài sản khác							
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản						
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản						
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng						
3	Các nội dung khác	dự án						
IV	Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà công vụ và công trình phúc lợi công cộng							
1	Trong đầu tư xây dựng		16.425		20.518	125		
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án						
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được	triệu đồng	16.425		20.518	125		
	- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng						
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng	16.425		20.518	125		



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm trước	Kế hoạch	Kết quả báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch (%)		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
	- Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng						
	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng						
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng						
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án						
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, huỷ bỏ							
	Số lượng	dự án						
	Giá trị đầu tư phải thanh toán	triệu đồng						
2	Trụ sở làm việc		40.050		40.327	101		
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2	40.050		40.050	100		
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2			277			
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng						
3	Nhà công vụ							
4	Các nội dung khác							
V	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên							
1	Quản lý, sử dụng đất							
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hoá, có vi phạm pháp luật	m2						
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hoá đã xử lý, thu hồi	m2						
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	2.436	1.000	1.510	62	151	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm trước	Kế hoạch	Kết quả báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch (%)		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1.4	Các nội dung khác							
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác							
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ						
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được							
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án						
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng						
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt							
4	Các nội dung khác							
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước							
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, đào tạo, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ						
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
3	Các nội dung khác							
VII	Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp							
VIII	Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân							
IX	Kết quả công tác thanh tra, kiểm sát, giám sát, kiểm toán về TTK, CLP							